

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Bà Phạm Thị Kim Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị LTY, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh DVH, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị LTY có đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh DVH được ly hôn và trình bày:

Chị và anh DVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 12 năm 2007. Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh DVH chung

sống hạnh phúc và có với nhau ba con chung. Đến đầu năm 2022 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Cũng từ đầu năm 2022 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên xô xát, cãi vã, anh chị hiện đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh DVH và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh DVH.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là: D, sinh ngày 23/9/2008; E, sinh ngày 17/11/2012 và F, sinh ngày 01/12/2019. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con D và F để anh DVH được nuôi con E cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh DVH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị LTY không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh DVH đã biết việc chị LTY xin ly hôn anh. Chị LTY trình bày anh DVH cũng đồng ý ly hôn với chị nhưng không muốn đến Tòa án theo các giấy triệu tập của Tòa án. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh DVH được.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị LTY và anh DVH là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Đỉnh điểm mâu thuẫn anh chị có xảy ra xô xát, cãi vã và anh DVH đuổi chị LTY ra khỏi nhà. Hiện nay anh chị ấy đang sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai còn quan tâm đến ai. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình chị LTY thể hiện: Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh DVH, chị LTY có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống, tính cách không hợp nhau. Từ khoảng tháng 8 năm 2022, mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn, hiện anh DVH chị LTY đang sống ly thân, gia đình cũng nhiều lần khuyên giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Gia đình chị LTY đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị LTY có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị LTY được ly hôn anh DVH. Về con chung: Giao con chung là D, sinh ngày 23/9/2008; F, sinh ngày 01/12/2019 cho chị LTY nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung là E, sinh ngày 17/11/2012 cho anh DVH nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Chị LTY không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTY và anh DVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình

nguyên đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị LTY, anh DVH cư trú thấy quá trình chung sống giữa hai anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ tháng 8 năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị LTY và anh DVH là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị LTY đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, lối sống, chị LTY không còn tình cảm gì với anh DVH nữa, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị LTY là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 36 Luật Hiến pháp.

[5] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: D, sinh ngày 23/9/2008; E, sinh ngày 17/11/2012 và F, sinh ngày 01/12/2019. Ly hôn chị LTY đề nghị được nuôi con D và F để anh DVH nuôi con E cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị LTY tự thỏa thuận với anh DVH và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu Hà Nhi là con gái lại đang ở độ tuổi dậy thì, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn, còn cháu Trường An mới được hơn 03 tuổi nên cũng cần được ở cùng mẹ. Cháu Tiến Sang đã học lớp 5 nên phần nào có thể tự chăm sóc cho bản thân nên ở với bố là phù hợp. Nên việc giao con chung là D và F cho chị LTY trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là E cho anh DVH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của các con và nguyện vọng của nguyên đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con D và F cho chị LTY trực tiếp nuôi dưỡng; giao con E cho anh DVH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị LTY và anh DVH tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị LTY không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn anh DVH mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

[7] Về các vấn đề khác: Chị LTY không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị LTY phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị LTY được ly hôn anh DVH.

2. Về con chung: Giao con chung là D, sinh ngày 23/9/2008 và F, sinh ngày 01/12/2019 cho chị LTY trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là E, sinh ngày 17/11/2012 cho anh DVH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị LTY và anh DVH tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

4. Về các vấn đề khác: Chị LTY không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Chị LTY phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009663, ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị LTY đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương